

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06-7-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Duy Hải;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Khu phố A, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng G, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: Ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Khu phố A, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T và ông Lê Hoàng G chung sống với nhau vào năm 1998 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh

Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyền số 01/2010 ngày 16-4-2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, dù đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng vợ chồng không thể hòa giải, hiện tại vợ chồng không còn sống chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hoàng G.

Về con chung: Bà T và ông G có hai con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 09-10-2001 và Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 03-4-2004. Khi ly hôn, bà T yêu cầu giao con chung Lê Thị Cẩm L cho ông G nuôi dưỡng, giáo dục, con chung Lê Hoàng N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hoàng G đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông G không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Lê Hoàng G vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Bị đơn ông Lê Hoàng G được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xử tiên hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T và ông Lê Hoàng G chung sống với nhau vào năm 1998 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyền số 01/2010 ngày 16-4-2010, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, ông G không đến Tòa án cho thấy ông G không thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời bà T xác định không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn, do vậy có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông G mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông G là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà T và ông G có hai con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 09-10-2001 và Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 03-4-2004. Khi ly hôn, bà T yêu cầu giao con chung cho Lê Thị Cẩm L cho ông G nuôi dưỡng. Xét thấy, bà T xác định hiện con chung Lê Thị Cẩm L đang sống cùng ông G, ông G chăm sóc con chung đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, đồng thời con chung có nguyện vọng sống cùng ông G. Do vậy, bà T yêu cầu giao con chung cho ông G được nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đối với con chung Lê Hoàng N đã thành niên, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị T phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với ông Lê Hoàng G.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T được ly hôn với ông Lê Hoàng G.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 03-4-2004 cho ông Lê Hoàng G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Lê Hoàng N đã thành niên, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà Trương Thị T và ông Lê Hoàng G đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Bà T được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037873 ngày 27-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết

